TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

KHOA NGOẠI NGỮ

HỘI THẢO

XÂY DỰNG

NGÂN HÀNG ĐỀ THI A1, A2 VÀ B1

Nha Trang, ngày 26 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH CÁC BÀI BÁO CÁO

1. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA VÀ ĐỀ THI A1, A2 VÀ B1…….....3

2. CÁCH THỨC THIẾT KẾ CHO BỘ ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ A1……7

3. THIẾT KẾ ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI A1 THEO ĐỊNH HƯỚNG KHUNG THAM CHIẾU TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CHUNG CHÂU ÂU VÀ PHIẾU TRẢ LỜI ……...11

4. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA VÀ ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN A2……...17

5. XÂY DỰNG BỘ ĐỀ THI A2 PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG……..20

6. XÂY DỰNG BÀI KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TIẾNG ANH B1……...25

7. ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG VIẾT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ THÔNG QUA CÁC CHUYẾN THAM QUAN THỰC TẾ……..38

8. DẠY TỪ VỰNG TRONG TIẾNG HÁN…….……...43

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA VÀ ĐỀ THI A1,A2, B1

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

BM Biên Phiên dịch

Đặt vấn đề

Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập Asian và thế giới vì vậy việc đổi mới nội dung giảng dạy, phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra đánh gía Tiếng Anh là nhiệm vụ của đôi ngũ giảng viên Tiếng Anh. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 là bước đầu thực hiện đổi mới. Thực hiện theo đề án Ngoại ngữ, tháng 6/ 2015 Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Nha Trang đã lên kế hoạch tiến hành đổi mới nội dung giảng dạy, Phương pháp giảng dạy và Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ. Bài báo cáo này đề cập đế đến các nguyên tắc thiết kế kiểm tra đánh giá học phần Tiếng Anh A1, A2, B1.

A. Các nguyên tắc thiết kế format đề kiểm tra và đề thi

Khoa Ngoại ngữ thiết kế format đề thi theo 4 nguyên tắc:

+ Chuẩn 6 bậc đánh giá Ngoại ngữ của Bô giáo dục Việt Nam ban hành tháng 11/2015 là cơ sở pháp lý để các trường thiết kế đề kiểm tra và đề thi theo chuẩn Việt Nam dựa theo chuẩn Châu âu. Dựa theo chuẩn này, Khoa Ngoại Ngữ thiết kế hình thức kiểm tra và thi theo 4 kỹ năng : Nghe, Nói, Đọc , Viết.

+ Bộ sách Life là tài liệu chính dùng để giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học NhaTrang đạt trình độ A1, A2, B1. Bộ sách Life với các bài tập kèm theo và ngân hàng câu hỏi là nguồn để khoa ngoại ngữ thiết kế câu hỏi phù hợp với nội dung giảng dạy.

+ Bộ đề thi theo chuẩn châu Âu KET, PET là mẫu đề thi để giảng viên khoa Ngoại ngữ lựa chọn Format đề thi có tính định hướng chuẩn bị cho sinh viên có thể làm quen với đề thi quốc tế.

+ Tình hình thực tiễn học và dạy Tiếng Anh A1, A2, B1 đại học Nha Trang là một thực tế để chúng ta quyết định format đề thi. Với 3.500 sinh viên học Tiếng Anh là

một thực tế chúng ta phải cân nhắc format đề thi làm sao mang tính khách quan, công bằng tương thích nội dung giảng dạy.

Từ những cơ sở trên khoa Ngoại ngữ đã thông nhất hình thức đề thi phù hợp với thực tiễn và theo chuẩn 6 bậc của Bộ.

B. Format đề kiểm tra và đề thi A1. A2, B1

I. Đề kiểm tra A1, A2, B1

- Nghe + Nói + Đọc + Viết = 100 điểm
- Kiểm tra : Nghe + Đọc + Viết = 90 phút
- Kiểm tra Nói: 1 buổi

Kỹ năng	Thời gian	Nội dung	Điểm mỗi câu	Tổng điểm
1. Nghe	30 phút	Nghe tả tranh: 5 câu	2,5	12,5
		Nghe 1 bài và trả lời trắc nghiệm: 5 câu		12,5
				25
2. Đọc	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	0,5	15
		2 bài đọc hiểu và trả lời trắc nghiệm : 5 câu/bài	1	10
				25
3. Viết	30 phút	A1, A2: Xây dựng câu (Sentence building): 5 câu B1 : chuyển hoá câu : 5 câu	2	10
		Viết đoạn văn/ bài văn (Essay) : 1 bài		15
				25

4. **Nói**: **25 điểm**

a) Nói A1

- Personal information: 10 điểm
- Trả lời câu hỏi: 5 câu (3 điểm/ câu → 15 điểm)

b) Nói A2

- Trả lời câu hỏi: 5 câu (3 điểm/ câu → 15 điểm)
- Hỏi và trả lời theo tranh trong sách học : 10 điểm

c) Nói B1

- Trả lời câu hỏi: 5 câu ((3 điểm/ câu → 15 điểm)
- Mô tả theo tranh trong sách học: 10 điểm

II. Đề thi A1, A2, B1

- Nghe + Nói + Viết = 100 điểm
- Thời gian: 90 phút

Kỹ năng	Thời gian	Nội dung	Điểm mỗi câu	Tổng điểm
1. Nghe	30 phút	Nghe tả 5 tranh : 5 câu	2	10
		Nghe 2 bài và trả lời trắc nghiệm: 5 câu / bài		20
				30
2. Đọc	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	1	30
		2 bài đọc hiểu: 5 câu/bài		10
				40
3. Viết	30 phút	A1, A2 :Xây dựng câu (Sentence building): 5 câu B1 : chuyển hoá câu : 5 câu	2	10
		Viết đoạn văn/ bài văn (Essay) : 1 bài		20

				30

C. Kết luận:

Thiết kế format đề thi theo 4 nguyên tắc giúp cho đội ngũ giảng viên định hướng giảng dạy và đánh giá công bằng giữa các lớp, và công bằng cho sinh viên trong giai đoạn đầu đổi mới. Format đề thi sẽ còn được chỉnh sửa và hoàn thiện sau 1 năm thực hiện.

References

1. Chuẩn Khung 6 Bậc Bô giáo dục và đào tạo. 11/2014
2. Đề án Ngoại Ngữ 2020 Bộ GDVN
3. Life A1, A2, B1- Cengage Learning 2013

CÁCH THỨC THIẾT KẾ CHO BỘ ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ A1

ThS. Ngô Quỳnh Hoa

BM Thực hành Tiếng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên không chuyên Tiếng Anh phải đạt được chứng chỉ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) mới tốt nghiệp ra trường. Thực hiện chủ trương đó, trường Đại học Nha Trang đã sử dụng giáo trình LIFE cho khối sinh viên các ngành (trừ ngành Ngoại ngữ) từ K57. Đây là năm đầu tiên giáo trình này được sử dụng nên việc xây dựng một ngân hàng đề kiểm tra và đề thi chung học phần Tiếng Anh với từng trình độ A1, A2, và B1dành cho sinh viên không chuyên ngữlà một điều vô cùng chính xác và cần thiết. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào cách thức thiết kế đề kiểm tra cho trình độ A1.

II. NỘI DUNG

1. Các tiêu chí thiết kế đề kiểm tra A1

a. Khung trình độ Chung Châu Âu

Khung trình độ Chung Châu Âu (CEFR) (Viết tắt của Common European Framework for Reference), được phát triển bởi Hội đồng Châu Âu, nhằm cung cấp một cơ sở chung trong việc thiết kế giáo trình, giới thiệu chương trình giảng dạy, thi cử, sách giáo khoa… trên toàn Châu Âu.. Khung trình độ chung châu Âu mô tả năng lực của người học dựa trên 06 mức trình độ cụ thể: **A1**, **A2**, **B1**, **B2**, **C1** và **C2**.

CEFR đánh giá năng lực ngoại ngữ theo 4 kĩ năng: Nghe-nói-đọc-viết. Chính vì vậy, bài kiểm tra trình độ A1 được thiết kế với cả bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Người học đạt được bậc A1 có khả năng:

- Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể; có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác,
- Hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu,
- Giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng và sẵn lòng nhận trợ giúp.

b. Giáo trình LIFE

Giáo trình LIFE BEGINNER là giáo trình dạy học chính do National Geographic Learning và Cengage Learning phát hành. Đây là giáo trình được thiết kế dựa trên nội dung chương trình National Geographic, người học có được những trải nghiệm học tập Tiếng Anh với các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết từ những cuộc phiêu lưu khám phá kỳ thú qua các hình ảnh, bài viết, tình huống và những đoạn phim thực tế độc đáo. Người học không những được nâng cao các kỹ năng Tiếng Anh và còn phát triển vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và ngữ âm. Chính vì vậy, việc thiết kế đề kiểm tra với 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc Viết là vô cùng chính xác.Bên cạnh đó, giáo trình LIFE với các bài tập kèm theo và bộ ngân hàng câu hỏi là nguồn để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với nội dung giảng dạy.

c. Các bộ đề thi theo chuẩn Châu Âu

Các bộ đề thi Movers, Flyer, KET, PET là các bộ đề thi mẫu giúp giáo viên lựa chọn các dạng đề thi. Điều này giúp sinh viên làm quen với các dạng đề thi theo chuẩn quốc tế.

2. Cấu trúc và thời lượng đề kiểm tra trình độ A1

Đề kiểm tra trình độ A1 gồm 4 phần thi: Đọc, Viết, Nghe và Nói. Mỗi phần thi chiếm 25% tổng điểm.

Kỹ năng	Thời gian	Nội dung	Điểm mỗi câu	Tổng điểm
5. Nghe	30 phút	Nghe tả tranh: 5 câu	2,5	12,5
		Nghe 1 bài và trả lời trắc nghiệm: 5 câu		12,5
				25
6. Đọc	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	0,5	15
		2 bài đọc hiểu và trả lời trắc nghiệm : 5 câu/bài	1	10
				25

7. Viết	30 phút	Xây dựng câu (Sentence building): 5 câu	2	10
		Viết đoạn văn/ bài văn (Essay) : 1 bài		15
				25
8. Nói	7 phút	Thông tin cá nhân	10	10
		Trả lời câu hỏi: 5 câu	3	15
				25

3. Thuận lợi

- Do có ngân hàng câu hỏi của giáo trình LIFE nên giúp giáo viên rút ngắn thời gian thiết kế đề và đảm bảo được tiêu chí học gì thi nấy.
- Đề thi theo định hướng chuẩn Châu Âu

4. Khó khăn

- Do chỉ sử dụng dạng đề thi trắc nghiệm cho phần nghe và phần đọc hiểu đoạn văn nên nguồn ra đề cho các phần này còn hạn chế.
- Mất nhiều thời gian thiết kế đề nghe và các file audio của đề nghe
- Tốn nhiều kinh phí làm các file nghe.

5. Đề xuất:

- Sử dụng đề thi Movers cho phần nghe tranh
- Hỗ trợ kinh phí làm các file nghe.

III. <u>Kết luận</u>

Thiết kế đề kiểm tra và đề thi chung cho các trình độ đối với sinh viên không chuyên ngữ là một việc vô cùng chính xác và cần thiết. Điều này đảm bảo đánh giá công bằng giữa các lớp học, các sinh viên. Hơn nữa, việc thiết kế ngân hàng đề kiểm tra và đề thi chung giúp các giáo viên tiết kiệm được thời gian công sức.

References:

1. Khung tham chiếu Chung Châu Âu https://vi.wikipedia.org/wiki/Khung_tham_chi%E1%BA%BFu_tr%C3%ACnh_%C4%91%E1%BB%99_ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_chung_c%E1%BB%A7a_Ch%C3%A2u_%C3%82u
2. Đề án Ngoại ngữ 2020 của Bộ GDĐT
3. Sách LIFE Beginner, National Geographic và Cengage Learning, 2013

THIẾT KẾ ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI A1 THEO ĐỊNH HƯỚNG KHUNG THAM CHIẾU TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CHUNG CHÂU ÂU VÀ PHIẾU TRẢ LỜI

ThS: Nguyễn Trọng Lý

BM Thực hành Tiếng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ ngay từ năm một, trường Đại Học Nha Trang đã đang từng bước áp dụng Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu vào chương trình giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên Khóa 57 trở đi. Có thể nói đây là một sự thay đổi có ý nghĩa trong việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của Việt nam. Tuy nhiên, một vấn đề mà Khoa Ngoại ngữ của trường rất chú trọng là làm sao xây dựng các đề thi theo định hướng CEFR một cách hiệu quả để giúp sinh viên tịnh tiến từ bậc này tới bậc khác theo thời gian. Bài viết này sẽ đề cập tới việc thiết kế định dạng đề thi A1 (trình độ sơ cấp) theo định hướng CEFR cũng như thiết kế phiếu trả lời đề thi. Theo dạng đề thi này, sinh viên sẽ được đánh giá ba kỹ năng: Nghe, Đọc và Viết. Riêng kỹ năng Nói sinh viên đã được đánh giá trong suốt quá trình học và bài kiểm tra Nói cuối kỳ.

II. NỘI DUNG

1. Thiết kế định dạng đề thi

Theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR), cấp độ A1 giúp người học có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể. Người học có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu. Ngoài ra, người học có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng và sẵn lòng nhận trợ giúp. Do đó, việc thiết kế cấu trúc đề thi A1 phải dựa theo nội dung này trong việc đánh giá 3 kỹ năng: Nghe, Đọc Viết.

Đề thi A1 gồm 3 phần đánh giá: Nghe, Đọc hiểu và Viết. Thời gian thi, cấu trúc đề thi, mục đích và thang điểm mỗi phần được thiết kế như sau:

Kỹ năng	Thời gian	Nội dung	Điểm	Mục đích	Tổng điểm
4. **Nghe**	30 phút	Nghe tả 5 tranh : 5 câu	2/câu	Kiểm tra khả năng nghe hiểu câu thông báo và bài hội thoại ngắn đơn giản ở tốc độ chậm.	10
		Nghe 2 bài và trả lời trắc nghiệm: 5 câu / bài			20
					30
5. **Đọc**	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	1/câu	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc.	30
		2 bài đọc hiểu: 5 câu/bài			10
					40
6. **Viết**	30 phút	Xây dựng câu (Sentence building): 5 câu	2/câu	Kiểm tra cấu trúc ngữ pháp đơn giản của các thì như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn và tương lai gần	10
		Viết đoạn văn/ bài văn (Essay) : 1 bài		Kiểm tra kỹ năng viết câu, diễn tả ý và mô tả về các chủ đề đơn giản trong chương trình học.	20
					30

Theo cấu trúc đinh dạng đề thi, các nội dung yêu cầu được đưa vào bài đề thi liên quan chặt chẽ với nội dung môn học và mang tính đại diện cho toàn bộ nội dung của A1.

Điều này thể hiện tính giá trị nội dung (Kane, 2010). Nội dung các tiểu mục thi trong tất cả các phần có độ liên quan mật thiết tới nội dung của các lĩnh vực ngôn ngữ mà Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu hay khung Năng lực Ngoại ngữ của Việt Nam đã nêu.

Ngoài ra, theo khung lý thuyết năng lực ngôn ngữ của Cannale và Swain (1980), việc soạn đề thi phải gồm gồm các yếu tố sau:

+ Năng lực ngữ pháp (từ vựng, hình thái, cú pháp, ngữ âm, chính tả)

+ Năng lực văn hoá xã hội (khả năng nhận biết sự khác biệt giữa các phương ngữ và các

biến thể ngôn ngữ, ngữ vực, tính tự nhiên của ngôn ngữ)

+ Năng lực diễn ngôn (tính mạc lạc, liên kết)

Do đó, trong việc thiết kế đề thi A1, giáo viên cần chú trọng tới trình độ của sinh viên và chương trình học. Không nên đưa vào các câu hỏi mang tính thách đố hoặc bài đọc hiểu quá nhiều từ mới, không phù hợp trình độ (Carr, 2011).

2. Phiếu trả lời

Trên cở sở cấu trúc đề thi, tôi đã cũng đã thiết kế phiếu trả lời (được đính kèm) với tiêu chí sau:

+ Các phần thi của từng kỹ năng cũng như thang điểm được trình bày rõ ràng.

+ Thiết kế dễ dàng cho giáo viên chấm điểm.

+ Tiết kiệm giấy.

III. KẾT LUẬN

Việc thiết kế định dạng đề thi A1 theo định hướng của CEFR sẽgiúp giáo viên đánh giá đúng trình độ của sinh viên. Ngoài ra,đây là bước khởi đầu cơ bản giúp sinh viên có thể tiếp cận đề thi chuẩn CEFR ở mức đọ cao sau này. Thông qua việc thiết kế đề thi A1, giáo viên có thể nhìn lại khái quát toàn bộ chương trình đã dạy và đưa ra tìm ra giải pháp năng cao phương pháp giảng dạy cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

1. Canale, M. & Swain, M. (1980). "Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing". *Applied Linguistics* (1): 1–47.

2.Carr, N. T. (2011). Designing and analyzing language tests. Oxford: Oxford University Press.

3. Council of Europe. (2001). The Common European Framework of Reference for languages: Learning, teaching, assessment. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Kane, M. T. (2010). Validity and fairness. *Language Testing, 27*(2), 177-182.

ANSWER SHEET

NHA TRANG UNIVERSITY **Final Test A1**

Department of Foreign Languages

Student's name: **…….** ***Student code:*** **……..**

Testing date ***:*** **……..** ***Class:*** **……..**

Score	**Supervisor 1**	**Dean**
	Supervisor 2	

I. Listening (***30 minutes***) (***30 marks***) (***Note: 2marks/question***)

Blacken the best answer A, B, C or D

1	**6**	**11**	
2	**7**	**12**	
3	**8**	**13**	
4	**9**	**14**	
5	**10**	**15**	

II. Reading Comprehension: (30 minutes) (40 marks) (***Note: 1marks/question***)

1	**11**	**21**	**31**				
2	**12**	**22**	**32**				
3	**13**	**23**	**33**				
4	**14**	**24**	**34**				
5	**15**	**25**	**35**				
6	**16**	**26**	**36**				
7	**17**	**27**	**37**				

8	A	B	C	D	**18**	A	B	C	D	**28**	A	B	C	D	**38**	A	B	C	D
9	A	B	C	D	**19**	A	B	C	D	**29**	A	B	C	D	**39**	A	B	C	D
10	A	B	C	D	**20**	A	B	C	D	**30**	A	B	C	D	**40**	A	B	C	D

Blacken the best answer A, B, C or D

II. Writing (*30 minutes*) (*30 marks*)

+ *Sentence Building:* (*2 marks/sentence*)

41.

……

42.

……

43.

……..

44.

……..

45.

……..

+ Writing an essay (about 100 words) (20 marks)

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA VÀ ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN A2

ThS:Đặng Kiều Diệp

BM Biên Phiên dịch

I. Đặt vấn đề

Hiện nay trên các báo đài chúng ta nghe nói nhiều đến việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra đánh gía Tiếng Anh, đặc biệt trong quá trình giảng dạy cho đối tượng không chuyên ngữ. Hiện tại tại trường Đại học Nha trang, bộ sách mới LIFE đã và đang được triển khai giảng dạy cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ khóa 57. Đây chính là một phần thực hiện mục tiêu đổi mới do Bộ giáo dục đào tạo đề ra thông qua Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020. Việc áp dụng bộ giáo trình mới trong lộ trình hiển nhiên là sẽ không tránh khỏi những va vấp thách thức đặc biệt là trong cách thức kiểm tra đánh giá sao cho đạt tính công bằng khách quan. Chính vì vậy mà bài báo cáo này xin đề cập một số nguyên tắc cơ bản là cơ sở thiết kế nội dung đề kiểm tra và đề thi học phần A2.

II. Một số nguyên tắc thiết kế nội dung đề kiểm tra và đề thi đánh giá học phần A2

Bộ đề kiểm tra và đề thi đánh giá học phần A2 được thiết kế dựa trên Khung đánh giá Ngoại ngữ theo chuẩn 6 bậc của Bộ giáo dục và đạo tào Việt Nam ban hành tháng 11/2015. Cụ thể bộ đề kiểm tra và đề thi sẽ bao gồm đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

Căn cứ vào yêu cầu đề thi và kiểm tra bao gồm 4 kỹ năng mà nội dung sẽ được thiết kế dựa trên các nguồn cụ thể cho các kỹ năng như sau:

1. **Kỹ năng nghe:**

- Nghe tả 5 bức tranh (1 câu hỏi cho mỗi bức tranh): Tranh chủ yếu dựa trên bộ đề thi theo chuẩn châu Âu KET. Đây là mẫu đề thi được đưa vào nhằm mang tính định hướng chuẩn bị cho sinh viên có thể làm quen với đề thi quốc tế theo chuẩn Châu Âu do Bộ giáo dục và đào tạo đề ra. Ngoài ra Bộ đề thi KET được chọn cũng hoàn toàn phù hợp với trình độ sinh viên đang theo học học phần A2 là sơ cấp (Elementary).

- Nghe 1 bài hội thoại hoặc độc thoại (5 câu hỏi cho mỗi bài): Bài hội thoại hoặc độc thoại này sẽ dựa vào nội dung các bài nghe hội thoại và độc thoại mà sinh viên đã được học trong suốt khóa học học phần A2. Cụ thể nội dung của các bài kiểm tra cũng như thi của học phần A2.1 sẽ dựa trên các bài từ 1-6, còn học phần A2.2 sẽ dựa trên các bài từ 7-12 trong cuốn sách LIFE (Elementary). Đây là cuốn sách được dùng như tài liệu chính giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học NhaTrang. Cuốn sách này với các bài tập kèm theo và ngân hàng câu hỏi là nguồn để thiết kế câu hỏi phù hợp với nội dung giảng dạy.

  Như vậy có 2 nguồn tài liệu chính để thiết kế nội dung của kỹ năng Nghe cho đề kiểm tra và đề thi đánh giá học phần A2 đó là Bộ đề thi chuẩn châu Âu KET và cuốn sách LIFE (Elementary). Không những thế, đây cũng chính là nguồn chính để thiết kế các kỹ năng còn lại của đề thi và đề kiểm tra đánh giá học phần A2. Chi tiết như sau:

2. **Kỹ năng nói**:

- Trả lời 5 câu hỏi: Các câu hỏi sẽ thuộc ngân hàng câu hỏi được thiết kế dựa trên các câu hỏi trong phần nói (Section: Speaking) có trong cuốn sách LIFE (Elementary).
- Hỏi và trả lời về tranh: Nguồn tranh cũng được lấy từ tài liệu học chính là sách LIFE (Elementary).

3. **Kỹ năng đọc**:

- 30 câu hỏi về từ vựng ngữ pháp: Nguồn câu hỏi sẽ được thiết kế dựa trên các bài tập và ngân hàng câu hỏi có sẵn của tài liệu LIFE (Elementary).
- 2 bài đọc hiểu (5 câu hỏi cho mỗi bài): Các bài đọc sẽ được thiết kế dựa trên 2 nguồn đã được đề cập đó là các bài tập và ngân hàng câu hỏi có sẵn của tài liệu LIFE (Elementary) và bộ đề thi KET theo chuẩn châu Âu nhưng vẫn dựa trên nguyên tắc là bám sát các chủ đề trong nội dung chương trình giảng dạy.

4. **Kỹ năng viết**:

- Viết xây dựng câu (5 câu hỏi): Phần từ vựng và cấu trúc gợi ý trong đề của phần Viết xây dựng câu này sẽ được thiết kế dựa trên các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp có trong nội dung chương trình giảng dạy. Cụ thể đề kiểm tra và thi

A2.1 sẽ tập trung vào các bài từ 1-6 còn đề kiểm tra và thi A2.2 sẽ là các bài từ 7-12 của tài liệu LIFE (Elementary).

- Viết đoạn văn/ bài văn (1 bài): Các chủ đề gợi ý cho phần viết này được thiết kế dựa trên nội dung các chủ đề đã học. Cụ thể có 6 chủ đề cho phần đề thi và kiểm tra học phần A2.1 như sau:

  + Describe your favourite person

  + Describe a room in your house

  + Write an email to invite your friend out for a dinner

  + Write instructions to make your favourite type of dish

  + Write a thank-you meesage to your friend for sending you a birthday present

III. **Kết luận:**

Bộ đề kiểm tra và đề thi đánh giá học phần A2 được thiết kế theo các nguyên tắc dựa trên tài liệu học tập phù hợp với nội dung giảng dạy nhằm củng cố và kiểm tra lại các kiến thức mà người học đã lĩnh hội trong suốt khóa học. Thêm vào đó, việc đưa bộ đề đanh giá theo chuẩn châu Âu KET như là chuẩn mực cần thiết để định hướng người học đến với việc làm quen với các dạng đề thi quốc tế. Điều này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu về đánh giá ngoại ngữ dựa trên khung 6 bậc theo chuẩn châu Âu do Bộ giáo dục và đào tạo đề ra.

Ngoài nội dung được thiết kế dựa trên nguyên tắc trên, dạng thức đề thi cũng được thiết kế theo nguyên tắc sẽ giúp đề thi hướng đến việc đánh giá mang tính công bằng khách. Nội dung đề thi sẽ còn được chỉnh sửa và hoàn thiện sau 1 năm thực hiện.

References

4. Chuẩn Khung 6 Bậc Bô giáo dục và đào tạo, 11/2014
5. Đề án Ngoại ngữ 2020 Bộ GDVN
6. Life A2 (Elementary), Cengage Learning, 2013

XÂY DỰNG BỘ ĐỀ THI A2 PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

TS. Trần Thị Minh Khánh

Bộ môn: Thực hành Tiếng

I. Đặt vấn đề

Trong quá trình chuẩn hóa hệ thống đào tạo theo Hệ thống đào tạo tín chỉ, việc áp dụng một khung chuẩn trình độ trong việc giảng dạy tiếng Anh cũng như kiểm tra đánh giá cho sinh viên là yêu cầu hết sức cần thiết. Điều này giúp định hướng cho nhà quản lý và giáo viên trong việc xây dựng khung chương trình, lựa chọn tài liệu giảng dạy phù hợp và đồng thời xác định được khả năng ngoại ngữ của sinh viên đang ở cấp độ nào.

Để hiện thực hóa điều này, trách nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra theo khung chuẩn châu Âu CEF (Common European Framework) được giao cho Khoa Ngoại ngữ. Cụ thể, việc xây dựng chuẩn đầu ra đã được thực hiện khoảng một năm trước khi kế hoạch được thực hiện. Theo đó, sinh viên cần đạt chuẩn B1 trước khi ra trường. Bắt đầu học kì 2 năm học 2015-2016, trường Đại học Nha Trang đã sử dụng bộ giáo trình Life của nhà xuất bản Cengage, National Geographic để giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngữ theo từng cấp độ khác nhau như A1, A2, B1.

Nhìn chung, các bước thực hiện từ khâu chuẩn bị chuẩn đầu ra, xây dựng khung chương trình và tổ chức giảng dạy… đã được thực hiện khá tốt. Tuy nhiên việc chuẩn bị ngân hàng đề thi và xây dựng quy trình kiểm tra đánh giá cho sinh viên theo từng học kì đang là vấn đề trăn trở của các giáo viên khoa Ngoại ngữ. Thứ nhất, mặc dù ngân hàng đề thi đã được mua trực tiếp từ NXB Cengage để đảm bảo tính hệ thống, tin cậy và tương thích với giáo trình giảng dạy, việc sử dụng ngân hàng này như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh đào tào cụ thể dường như vẫn chưa tìm ra được giải pháp thỏa đáng.

Thứ hai, việc Khoa Ngoại ngữ tự xây dựng bộ đề kiểm tra và thi theo từng học kì cần đảm bảo tính tương thích và độ khó phù hợp với đề thi theo cấp độ A2 chuẩn châu Âu hay một nửa A2.

Thứ 3, việc loại bỏ kỹ năng Nói trong các bài thi cuối kì là giải pháp tình thế nhưng liệu có đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá sinh viên đạt chuẩn của kỹ năng này theo quy định hay không.

Việc tìm hướng giải quyết cho các vấn đề trên đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng và phải dựa trên cơ sở khoa học hợp lý nhằm hoàn thiện hơn khung chuẩn đánh giá. Trong phạm vi có hạn, bài báo cáo chỉ tập trung vào việc trình bày một số nội dung, cũng như đề xuất các giải pháp trong việc xây dựng ngân hàng đề thi A2 cho sinh viên không chuyên ngữ sao cho vừa phù hợp với dạng đề thi định hướng theo khung chuẩn Châu Âu, vừa mang tính khả thi trong điều kiện đào tạo hiện tại của nhà trường.

II. Nội dung

Khi tiến hành xây dựng bộ đề thi và kiểm tra ở cấp độ A2, chúng ta cần dựa vào chuẩn đầu ra tương đương A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Cụ thể từng kỹ năng như sau:

a. Nghe:

- có khả năng nghe và xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra chậm và rõ ràng giữa những người bản ngữ hay những người không trực tiếp đối thoại;

- có khả năng nghe và hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản;
- có khả năng nghe và xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình.

b. Nói:

- có khả năng nói độc thoại: mô tả kinh nghiệm bản thân, gia đình, cuộc sống hằng ngày, công việc, kế hoạch; trình bày trước người nghe về những thông tin ngắn có chuẩn bị trước;

- có khả năng nói tương tác: giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn về những vấn đề đơn giản; trao đổi thông tin trong tình huống quen thuộc về những vấn đề quan tâm, trong giao dịch hàng hóa và dịch vụ; phỏng vấn và trả lời phỏng vấn bằng những diễn ngôn đơn giản.

c. Đọc:

- có khả năng đọc lấy thông tin và lập luận: xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản (thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn);

- có khả năng đọc văn bản giao dịch: hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư cá nhân, hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận), hiểu các quy định và hướng dẫn sử dụng;
- có khả năng đọc xử lý văn bản: nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn từ một văn bản, sao chép các văn bản ngắn.

d. Viết:

- có khả năng viết sản sinh: viết sáng tạo những cụm từ, mệnh đề, câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại; viết tiểu sử;
- có khả năng viết tương tác: viết những ghi chú ngắn, điền biểu mẫu; viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ, kinh nghiệm; viết các tin nhắn ngắn, đơn giản liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm;
- có khả năng xử lý văn bản: lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, câu ngắn.

Dựa theo các các nội dung được mô tả phía trên, kết hợp nghiên cứu dạng đề của bài thi A2 theo chuẩn châu Âu, sau khi nghiên cứu cân nhắc tình hình thực tế của nhà trường, ban ra đề đã bàn bạc và đi đến thống nhất nội dung của bài kiểm tra và thi A2 cho sinh viên không chuyên ngữ như sau:

***Bài Kiểm tra: Gồm các kỹ năng Nghe + Nói + Đọc + Viết**

- Thời lượng bài KT Nghe + Đọc + Viết = 90 phút
- Kiểm tra Nói: mỗi SV 3 phút
- Tổng điểm: 100

Kỹ năng	Thời gian	Nội dung	Điểm mỗi câu	Tổng điểm
9. **Nghe**	30 phút	1 bài tả tranh: 5 câu	2,5	12,5
		1 bài trắc nghiệm: 5 câu		12,5
				25
10. **Đọc**	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	0,5	15

		2 bài đọc hiểu: 5 câu/bài	1	10
				25
11. **Viết**	30 phút	Sentence building: 5 câu	2	10
		Essay: 1 bài		15
				25

12. **Nói**: 25 điểm
    - Trả lời câu hỏi: 5 câu ((3 điểm/ câu → 15 điểm)
    - Hỏi và trả lời theo tranh: 10 điểm

*** Bài Thi: gồm các kỹ năng Nghe, Đọc và Viết**

- Tổng điểm: 100 điểm
- Thời lượng: 90 phút

Kỹ năng	**Thời gian**	**Nội dung**	**Điểm mỗi câu**	**Tổng điểm**
7. **Nghe**	30 phút	1 bài tả tranh: 5 câu	2	10
		2 bài trắc nghiệm: 5 câu / bài		20
				30
8. **Đọc**	30 phút	30 câu trắc nghiệm: từ vựng, ngữ pháp	1	30
		2 bài đọc hiểu: 5 câu/bài		10
				40
9. **Viết**	30 phút	Sentence building: 5 câu	2	10
		Essay: 1 bài		20
				30

Lưu ý: Mặc dù kỹ năng Nói không bao gồm trong bài thi nhưng trong quá trình học trên lớp và kiểm tra, giáo viên sẽ đánh giá kỹ năng này một cách thường xuyên.

Phần viết đoạn văn dựa theo các chủ đề từ bài 1 đến bài 6 trong sách Life A2 để đảm bảo tính tương thích nhưng cũng có sự điều chỉnh nội dung cho phù hợp với sinh viên Việt Nam bao gồm:

Unit 1: Describe your favourite person

Unit 2: Describe a room in your house

Unit 3: Describe a beautiful place you visited

Unit 4: Write an email to invite your friend out for a dinner.

Unit 5: Write instructions to make your favourite type of dish

Unit 6: Write a thank-you card to your friend for sending you a birthday present

III. Kết luận

Với hướng đi này, đề kiểm tra và thi đảm bảo được tính quy chuẩn theo dạng đề thi theo chuẩn châu Âu (vd sử dụng tranh trong thi Nói, nguồn đề thi kết hợp trắc nghiệm và tự luận), đảm bảo tính tương thích với giáo trình (vd các chủ đề Viết phù hợp với bài học) và hoàn cảnh hiện tại của nhà trường (không thể tổ chức thi Nói với số lượng sinh viên quá đông).

Hy vọng những đề xuất này giúp bài thi phù hợp hơn với trình độ sinh viên và điều kiện đào tạo thực tế tại Khoa Ngoại ngữ. Tuy nhiên cần có những nghiên cứu thêm về tính tin cậy trong việc lựa chọn nguồn đề thi để hoàn thiện và phát triển hơn nữa quy chuẩn kiểm tra đánh giá cho sinh viên không chuyên ngữ, trường đại học Nha Trang.

Tài liệu tham khảo

Chuẩn đầu ra TA không chuyên, trình độ đại học, Tài liệu lưu hành nội bộ

Khung tham chiếu năng lực chuẩn châu Âu 6 bậc

XÂY DỰNG BÀI KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN TIẾNG ANH B1

ThS:Lê Hoàng Duy Thuần

BM Thực hành Tiếng

I. Mở đầu

Bắt đầu từ khoá 57, Trường Đại học Nha Trang đưa vào sử dụng bộ giáo trình Tiếng Anh Life của nhà xuất bản Cengage dành cho sinh viên (SV) các lớp không chuyên thuộc nhiều chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác nhau. Đây là bộ giáo trình quốc tế được biên soạn công phu, chuyên nghiệp gồm 6 cấp độ từ A1 đến C2. Theo yêu cầu của nhà trường, tất cả SV phải đạt tối thiểu chuẩn A2 (bậc 2 của Bộ GD & ĐT) để được công nhận tốt nghiệp, trong đó SV thuộc 3 chuyên ngành Quản trị du lịch, Kinh doanh thương mại và Quản trị kinh doanh phải đạt chuẩn B1 (bậc 3 của Bộ GD & ĐT).

Bài viết sau đây trình bày việc xây dựng bài kiểm tra và thi kết thúc học phần(HP) của các lớp Tiếng Anh B1 (SV đủ điều kiện vào học các lớp B1 phải học 2 HP gồm B1.1 và B1.2, trong đó mỗi học phần là 60 tiết).

II. Nội dung

1. Cơ sở lý luận

Kiểm tra đánh giá SV là hoạt động thường xuyên và không thể thiếu ở phần lớn các HP. Trong nhiều trường hợp, một bài kiểm tra được xem như công cụ hiệu quả nếu nó đánh giá đúng kỹ năng, năng lực hay kiến thức của SV, ngược lại nó sẽ trở thành vô dụng. Do đó, một bài kiểm tra tốt khi nó phân loại được các đối tượng người học ở trình độ khác nhau. Trên thực tế, nhiều bài kiểm tra không mang lại kết quả mong đợi và không đánh giá chính xác người làm bài do kém chất lượng (Hughes, 2003).

Theo Hughes (2003) và Henning (1987), một bài kiểm tra có giá trị khi nó đo được những gì cần đo. Vì vậy, khi xây dựng 1 bài kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học, cần chú ý đến các yếu tố quan trọng như độ chuẩn xác (validity), tính ổn định (reliability), tính xác thực (authenticity), tính tương tác (interactiveness), tính thực tiễn (practicality) và hiệu quả ảnh hưởng (impact) (Hughes, 2003).

2. Tiêu chí đánh giá

2.1. Cấu trúc bài kiểm tra

Bài kiểm tra đánh giá 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết với tỉ lệ 25% mỗi kỹ năng. Các câu hỏi của bài kiểm tra sẽ được lấy từ giáo trình học và bài tập.*(xem bài kiểm tra mẫu ở phụ lục 1)*

Bài kiểm tra nói bao gồm 2 phần:*(xem phụ lục 2 về các câu hỏi mẫu)*

Phần 1: trả lời các câu hỏi liên quan đến các chủ đề đã học (5 câu)

Phần 2: miêu tả 1 hình ảnh trong sách

Bài kiểm tra nghe gồm 2 phần:

Phần 1: Miêu tả tranh (5 câu)

Phần 2: 1 bài hội thoại hoặc độc thoại (5 câu)

Bài kiểm tra đọc gồm 2 phần:

Phần 1: kiểm tra từ vựng, cấu trúc, ngữ âm, ngữ pháp (30 câu)

Phần 2: đọc hiểu và trả lời câu hỏi (10 câu / 2 bài đọc từ 120 đến 150 từ)

Bài kiểm tra viết có 2 phần:

Phần 1: chuyển hoá câu (5 câu)

Phần 2: viết đoạn văn theo chủ đề (các chủ đề đã học)

Các câu hỏi phần nghe, đọc hiểu được thiết kế theo dạng trắc nghiệm. Thời gian làm 3 bài nghe, đọc và viết là 90 phút. Thời gian bài kiểm tra nói là khoảng 5 phút/SV.

2.2. Cấu trúc bài thi

Bài thi kết thúc HP đánh giá 3 kỹ năng nghe, đọc và viết với tỉ lệ là 30 – 40 – 30. Các câu hỏi của sẽ được lấy từ giáo trình học và các tài liệu khác *(xem bài thi mẫu ở phụ lục 3).*

Cấu trúc của bài thi gần giống với bài kiểm tra ngoại trừ việc bổ sung 1 phần nghe hội thoại. Do bài thi không đánh giá kỹ năng nói nên thang điểm một số phần có thay đổi, nhưng vẫn đảm bảo được tính hợp lý.

3. Thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

Bộ giáo trình Life cung cấp phần mềm soạn các câu hỏi đánh giá ở 3 kỹ năng nghe, đọc và viết giúp chúng tôi thuận tiện thiết kế bài kiểm tra. Ngoài ra, giáo trình được thiết kế gồm nhiều cáó độ với nhiều bài tập đa dạng trải đều ở 4 kỹ năng giúp người học dễ tập trung rèn luyện

3.2. Khó khăn

Việc tổ chức dạy và học theo giáo trình Life có rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ nêu những khó khăn liên quan trực tiếp đến việc đánh giá và xây dựng bộ đề kiểm tra và thi HP. Có 3 khó khăn nổi bật đó là:

- Ngân hàng câu hỏi từ bộ giáo trình vẫn chưa nhiều và đa dạng, đặc biệt là câu hỏi cho kỹ năng nghe, đồng thời chưa bám sát dạng thức đề kiểm tra B1 theo chuẩn Châu Âu hay theo quy định của Bộ. Do đó, việc xây dựng ngân hàng đề phải đòi hỏi sự tham khảo thêm từ nhiều nguồn khác nhau. Trong khi đó, các nguồn để xây dựng đề B1 ngoài thị trường vẫn chưa nhiều.
- Việc đánh giá kỹ năng nói còn nhiều khó khăn do số lượng lớn SV so với đội ngũ giảng dạy nên việc đánh giá sẽ khó đạt hiệu quả cao.
- Việc theo dõi và đánh giá bài tập ở nhà của SV cũng còn vướng mắc do cả GV lẫn SV vẫn chưa quen với phần mềm quản lý. Ngoài ra, hệ thống mạng ở trường chưa hoàn thiện cộng với việc phần mềm còn bị lỗi nên cả người dạy lẫn người học cảm thấy lúng túng.

4. Ý kiến đề xuất

- Nhà trường cần thiết phải giảm số lượng SV ở mỗi lớp B1 xuống không quá 40 (hiện nay trên dưới 50) để tăng tính hiệu quả khi SV học và rèn luyện cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Các lớp này cần được bố trí tập trung ở 1 khu vực riêng (dành để học ngoại ngữ), tránh nằm gần các giảng đường lớn nơi SV học các HP khác.
- Việc tham gia chỉ 2 HP B1.1 và B1.2 trước khi thi B1 là chưa đủ cho SV bởi nội dung giảng dạy ở 2 HP trên vẫn chưa bám sát vào bài thi B1.Do đó, cần thiết kế tối thiểu thêm 1 HP luyện thi B1 (60 tiết) nhằm trang bị cho SV những thủ thuật, chiến thuật và kinh nghiệm làm bài thi.

III. Kết luận

Do việc dạy học mới qua 3 tuần đầu tiên, nên các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần Tiếng Anh B1 sẽ khó tránh khỏi những hạn chế nhất định khi đưa vào đánh giá SV trong thời gian tới. Việc xây dựng và hoàn thiện cách đánh giá trình độ Tiếng Anh của SV do đó

vẫn sẽ cần một chặng đường dài. Tuy vậy, qua bài viết này, chúng tôi hy vọng sẽ giúp các thầy cô có nhiều ý tưởng và định hướng cách đánh giá SV hiệu quả nhất.

Tài liệu tham khảo

1. Henning, G (1987). A guide to language testing: development, evaluation and research. Heinle & Heinle Publishers
2. Hughes, A. (2003). Testing for language teachers. Cambridge: CUP.
3. Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). Life pre-intermediate: Student's book, teacher's book & online workbook . Cengage Learning.
4. Cambridge Preliminary English Tests 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Cambridge: CUP.

Phụ lục 1: Bài kiểm tra B1 mẫu

END-OF-TERM TEST – LEVEL B1

Time: 90 minutes (including the oral test)

Full name: …….. *Class: ……..*
Student number: ……..

Paper 1:LISTENING COMPREHENSION(25 minutes)

Part 1*(12.5 points)***:** There are 5 questions in this part. For each question there are three pictures and a short recording. Choose the correct picture and put a tick (V) in the box below it.

Example: What will the boy take back to the shop?

A ☑

B ☐

C ☐

1. What time will Paula pick Julie up?

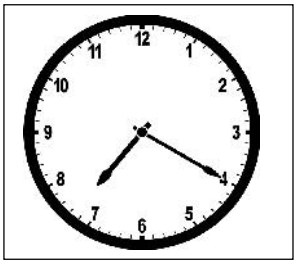

A☐

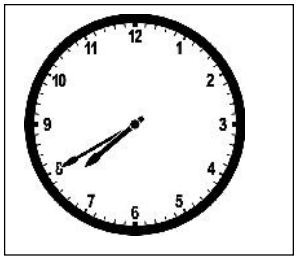

B ☐

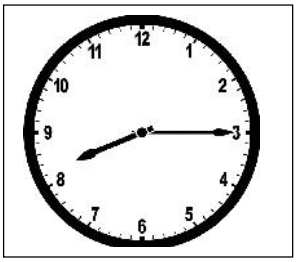

C ☐

2. What will they get first?

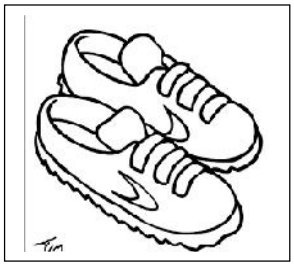

A☐

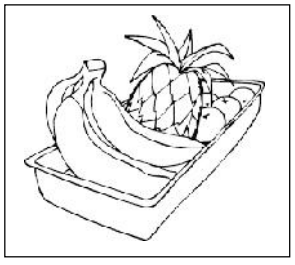

B ☐

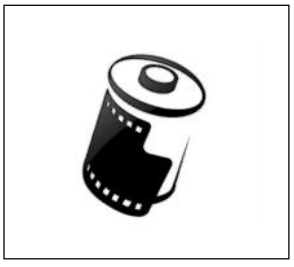

C ☐

3. What did Jason enjoy doing on Saturday?

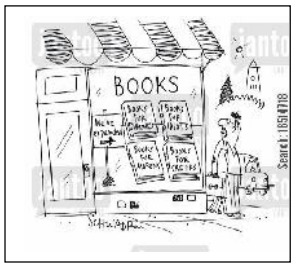

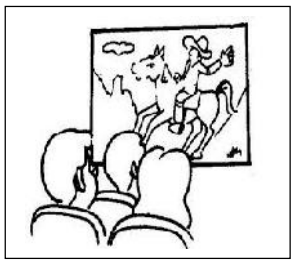

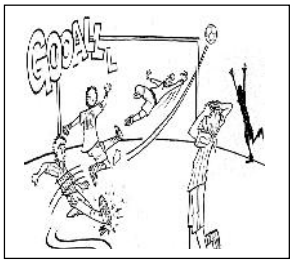

A☐ B ☐ C ☐

4. What does the man decide to eat?

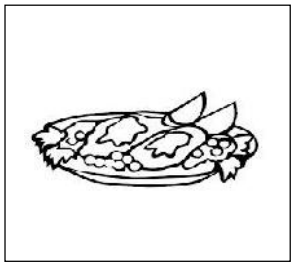

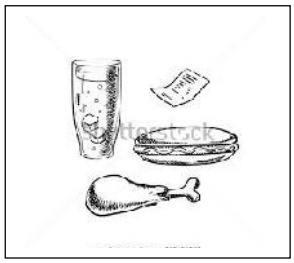

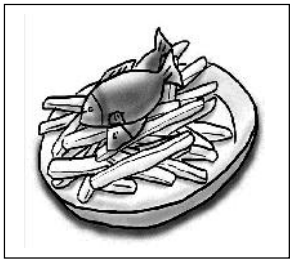

A☐ B ☐ C ☐

5. What was cancelled?

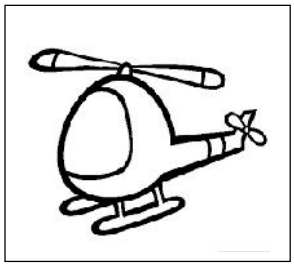

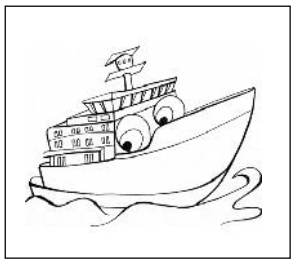

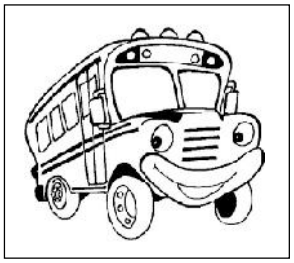

A☐ B ☐ C ☐

Part 2:*(12.5 points)***Listen to the interview and answer the questions.**

6. Maria Garza was sitting ____ when she saw the fire.
a. on a plane
b. in the airport
c. at home

7. Sandy Weisz is a ____.

a. medical doctor
b. survivor
c. Psychologist

8. Sandy Weisz says that all survivors are ____.
a. decisive
b. indecisive
c. determined

9. Bethany got back to the beach by ____.
a. swimming
b. crawling
c. sailing

10. Most survivors don't ____ unless they have to.
a. make tough decisions
b. have special skills
c. take risks

PAPER 2: READING COMPREHENSION (30 minutes)

Part 1 *(15 points)***:** *Identify the choice that best completes the statement or answers the question.*

11. The children love ____ cards with their grandfather.
a. playing
b. being
c. doing

12. The children usually ____ their homework in their bedrooms.
a. spend
b. do
c. learn

13. Johnny usually falls ____ while he's watching television.
a. tired
b. sleepy
c. asleep

14. The crowd shouted angrily when the ____ sent the player off.
a. announcer
b. judge
c. referee

15. The team needs to ____ this match to stay in the competition.
a. beat
b. win
c. earn

16. In the Olympic Games, the competitors all walk round the ____ before the competition begins.
a. track
b. pitch
c. rink

17. I don't understand the ____ of some sports. They are so boring.
a. distraction
b. trophy
c. popularity

18. He is very ____ and doesn't like losing.
a. impatient
b. competitive
c. popular

19. It's a rule that players ____ touch the ball with their hands.
a. mustn't
b. don't have to
c. can

20. Do we ____ wear special clothes for the exercise class?
a. must
b. can
c. have to

21. Everyone must ____ and understand the rules before we start the game.
a. reading
b. read
c. to read

22. It's not far to the town centre and it's quicker if you go ____ foot.
a. on
b. by
c. with

23. Which ____ does the train to Norwich leave from?
a. platform
b. gate
c. stop

24. The bus ____ is more expensive now than it was the last time I was here.
a. price
b. fare
c. cost

25 There is a taxi ____ right outside the train station.
a. station
b. stop
c. rank

26. What time do you want me to pick you ____ from the station?
a. by
b. off
c. up

27. We have to ____ at the airport two hours before the plane leaves.
a. check in
b. get on
c. book

28. What _____ at the time of the accident?
a. did you do
b. have you done
c. were you doing

29. The mountaineers began climbing ____ March 5th.
a. in
b. on
c. at

30. The expedition was dangerous and we had to be ____.
a. careful
b. unreliable
c. risky

31. The team leader is not only very ____ in leading expeditions, but also very reliable.
a. tough
b. ambitious
c. experienced

32. I stood on the ____ and looked at the sea far, far below.
a. cliff
b. cave
c. lake

33. Mr Jones will call you when he's ready ____ to you.
a. talks
b. to talk
c. talking

34. The girl refused ____ to her brother for several days after their argument.
a. to talk
b. talking
c. talk

35. It's difficult ____ about the summer holidays in January.
a. think
b. to think
c. will think

36. Are you ____ the new James Bond film?

a. going see
b. go to seeing
c. going to see

37. ____ your brother taking you to the airport tonight?
a. Is
b. Will
c. Does

38. Mr Andrews ____ anyone today or tomorrow because he's in meetings both days until late.
a. won't seeing
b. isn't seeing
c. isn't sees

39. Will you ____ to the shop for me? We need some bread.
a. go
b. going
c. to go

40. Don't worry, I won't ____ anyone your secret.
a. to tell
b. tell
c. telling

Part 2 *(10 points)***:** *Read the guide and the email and answer the questions. Choose the correct option (a–c).*

Welcome to the *Baggleton*! This guide will help you find your way around the town. If you are reading this, you are probably staying in one of our fine hotels: either in the historic city centre or by the sea. Although our town is a small one, we have one of the best transport systems in the country and wherever you want to go, you will find a method of transport that suits you.

To go to the wonderful sandy beach at Longshore, you can take the metro. There are two stops: get off at Port station if you want to have lunch or dinner at one of our famous fish restaurants overlooking the old port. After dinner, you can walk along the beach and get on the metro again at the next stop, which is called Sandygate. From Port station it's a five-minute walk to the restaurants and it takes about fifteen minutes to walk along to the other end of the beach to Sandygate station. For those of you who prefer the bus, or for those who don't like walking, the number 3 bus runs along the length of the beach with five stops between Port and Sandygate. From the end of the beach, the bus then goes into the town centre, which is a pleasant one-hour ride. Alternatively, take the metro from Sandygate and get off at Mullet station, which takes only 40 minutes. During rush hour it can take longer if you drive your own car.

You can buy tickets from your hotel, from any shop or restaurant or from special ticket machines. Single tickets cost one euro each, return tickets are one euro seventy cents and for those of you planning to use public transport a lot, a seven-day ticket costs eight euros and gives you unlimited travel on all the buses, trains and of course on the metro too. Many of our office workers who live by the sea take advantage of the weekly ticket. The metro is open from six o'clock in the morning until midnight, but the buses run all night long.

41. Who was the guide written for?
a. Commuters
b. Tourists
c. Pedestrians

42. Which metro station is nearest to the restaurants?
a. Port
b. Sandygate
c. Mullet

43. Which is the best type of transport for people who want to get off half-way along the beach?
a. Walking
b. Metro
c. Bus

44. What's the cheapest type of ticket for commuters?
a. a return ticket
b. a seven-day ticket
c. a single ticket

45. Which is the fastest way to get from the beach to the town centre?
a. Bus
b. Car
c. Metro

Dear Mum and Dad,

I'm writing this email because I've got some important news to tell you. I'm getting married! Isn't that great?

It all happened last night. We were having dinner in a very nice Italian restaurant when Jake suddenly became all quiet and said he had something to tell me. He looked so serious that I was afraid he was going to break up with me or tell me he had a terrible illness, but then he took a little black box out of his pocket and put it in front of me. I opened it and inside was an engagement ring and he just said, 'Will you marry me?' I was so excited that I didn't even stop to think about it and replied, 'Yes, of course I will, silly!' And I put the ring on my finger. So there we were, engaged!

Then we spent the rest of the evening making plans. Can we have the wedding at your house? You've got such a big, beautiful garden that it'll be perfect. We are going to wait until after my final exams in June and I thought a good day would be 10th July. That gives us eight months to plan everything. It should be enough time, especially as we don't want a big traditional white wedding just a big party with our best friends and family. We're not going to start a family straight away because I need to get my career going, and I might even decide to stay on at university and do a master's, but before we do that, we're going to travel round the world for a year. Jake can take a career break for that time; his office have already said it's OK. It's so exciting!

Anyway, I have to get to class now. I'll phone you tomorrow.

Your loving daughter,
Lucy

46. Lucy ____.
a. goes to school
b. is a university student
c. works in an office

47. Jake told Lucy he ____.
a. was worried about something serious
b. was seriously ill
c. wanted them to get engaged

48. When Jake asked Lucy, she ____.
a. replied immediately
b. didn't say anything
c. didn't know what to say

49. Jake and Lucy are going to have ____.
a. a big white wedding
b. a traditional wedding
c. a fun celebration

50. After the wedding Lucy is going to ____.
a. go back to university
b. go abroad
c. have a baby

PAPER 3: WRITING (30 minutes)

Part 1*(10 points)***:** *Complete the sentences in such a way that it has the same meaning as the sentence printed before it.*

51. Are you very tall? Can you reach that picture?
Are you tall .....?
52. Diamond is more expensive than gold.
Gold is not .....

53. He is a man of extreme honesty.

He is an .....

54. People often argue about things that are happening at the present.

Things……

55. Someone brought tea into England in the seventeenth century.

Tea ……..

Part 2 *(20 points)***:** Write a composition (100 to 120 words) about a national festival or celebration which you enjoy.

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

----------THE END----------

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG VIẾT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ THÔNG QUA CÁC CHUYẾN THAM QUAN THỰC TẾ

ThS: Nguyễn Phương Lan

Bộ môn: Thực hành Tiếng

I. Mở đầu:

Việc kiểm tra đánh giá kỹ năng viết cuối khóa của sinh viên chuyên ngữ từ trước đến nay đều là hình thức thi viết trong phòng thi với sự giám sát của hai giám thị. Chắc chắn chúng ta đều nhận thấy không khí phòng thi sẽ rất căng thẳng, thí sinh sẽ bị áp lực khi làm bài thi vì vậy tư duy, ý tưởng sẽ có phần nào bị hạn chế. Trong bài tham luận này , tôi muốn trao đổi về việc áp dụng phương pháp kiểm tra- đánh giá kỹ năng viết của sinh viên chuyên ngữ thông qua các chuyến tham quan thực tế.

II. Lý do thay đổi phương pháp kiểm tra đánh giá:

Việc chúng tôi áp dụng phương pháp này có những lý do sau đây

- Môi trường kiểm tra đánh giá trong không gian mở sẽ tạo cho sinh viên sự thoải mái, tự tin, ít bị áp lực.
- Các chuyến đi thực tế giúp cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, tạo nguồn hứng khởi trong việc cảm nhận để viết.
- Sinh viên sẽ cảm nhận, quan sát về cuộc sống, về môi trường, văn hóa, phong tục, quê hương và về con người xung quanh các em nhằm giúp tạo ra sự liên hệ thực tế cụ thể.
- Qua các chuyến tham quan thực tế, sinh viên sẽ có dịp sống và làm việc trong môi trường nhóm, đồng đội, các em sẽ phát huy tính tập thể, tính cộng đồng, tinh thần sống vì người khác.v.v, mối quan hệ xã hội giữa các thành viên trong lớp được cải thiện hơn.
- Các chuyến đi thực tế còn là dịp để sinh viên học được các kỹ năng "mềm" cần thiết mà môi trường lớp học không thể nào rèn luyện được.

III. Kế hoạch triển khai việc đổi mới phương pháp kiểm tra- đánh giá:

Nhóm giáo viên dạy viết đã họp và cùng thống nhất phương pháp kiểm tra đánh giá kỹ năng viết cho sinh viên chuyên ngữ như sau:

- Học kỳ viết 1: thi viết cuối kỳ tại lớp. (Nội dung thi về các loại mẫu câu)
- Học kỳ viết 2: thi viết cuối kỳ tại lớp. Kiểm tra cuối kỳ qua chuyến tham quan thực tế nữa ngày. (Nội dung thi: viết đoạn văn so sánh-đối chiếu)

- Học kỳ viết 3: Kiểm tra cuối kỳ tại lớp. Thi viết cuối kỳ qua chuyến tham quan thực tế 1 ngày. (Nội dung thi: viết bài luận so sánh-đối chiếu)

- Học kỳ viết 4: Kiểm tra cuối kỳ tại lớp. Thi viết cuối kỳ qua chuyến tham quan thực tế 2N-1Đ (Nội dung thi: viết bài báo cáo tường thuật)

IV. Hình thức triển khai:

- Xây dựng việc đi thực tế thành một chủ đề trong chương trình giảng dạy học phần

Chủ đề 5: Đi thực tế

Nội dung (Kiến thức/Kỹ năng)	Mục tiêu dạy-học	Phương pháp dạy- học
Kiến thức 1.Phương pháp viết một đoạn văn theo thể loại miêu tả, tường thuật, so sánh-đối chiếu 2. Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết **Kỹ năng** 1. Nắm được cấu trúc viết của đoạn văn theo các thể loại đã học 2. Áp dụng các kỹ năng mềm vào thực tế: kỹ năng hướng dẫn, làm việc nhóm, thuyết trình…	Áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn	Đi thực tế, quan sát, thu thập thông tin, viết bài theo yêu cầu đã được hướng dẫn

- Thông báokế hoạch, chương trình, kinh phí cụ thể cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Yêu cầu:

* Mỗi sinh viên sẽ cảm nhận chuyến đi theo cách riêng của mình và viết nhật ký cho từng ngày hoặc cho từng điểm tham quan sau đó viết bài cảm nhận của cá nhân.

* Sau chuyến đi, mỗi nhóm sẽ làm một brochure của nhóm ghi lại những khoảng khắc đẹp và những cảm xúc đặc biệt về chuyến đi.

* Kết quả đánh giá của kỳ thi học phần sẽ được tính theo tỉ lệ như sau:

+ Nhật ký hành trình 10%

+ Bài viết cá nhân 25%

+ Brochure của nhóm 15%

- Giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên lựa chọn tổ chức các chuyến đi thực tế trong thành phố 1 ngày hoặc các chuyến đi ngoài tỉnh.

Ví dụ tour thực tế 1 ngày tại Ninh Thuận

Tour Itinerary (one day)

Time: one day (expected time: 13.Dec, 20. Dec; 27 Dec)
Gathering location: Nhà Thờ Núi (5am)
- 5.15 am: Cao Văn Bé park ; Depart to Phan Rang
- 6.15 am: Have breakfast in Cam Ranh
- 8.00 am: Visit Po Klong Garai Tower Located on Trau Hill, Phan Rang. A Cham temple tower.
- 9.00am : Ba Mọi Grape Garden
- 10.30 am:-My Nghiep - Chung My brocade weaving village is located in Ninh Phuoc District.
  - Bau Truc pottery village One of the oldest pottery villages in Southeast Asia
- 12.00 pm : lunch
- 1.30pm: visit Thiền viện Trúc Lâm Viên Ngộ
- 3.00pm : Visit TUAN TU WHITE SAND DUNES
- 4.30pm : Return back to Nha Trang . End the tour.

V. Các tư liệu về các tour thực tế đã thực hiện:

1. Tour tham quan nữa ngày- môn viết 2

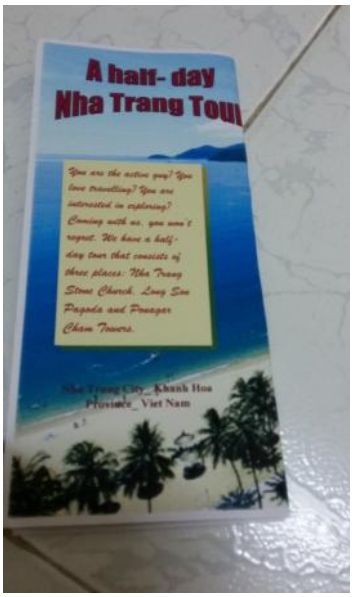

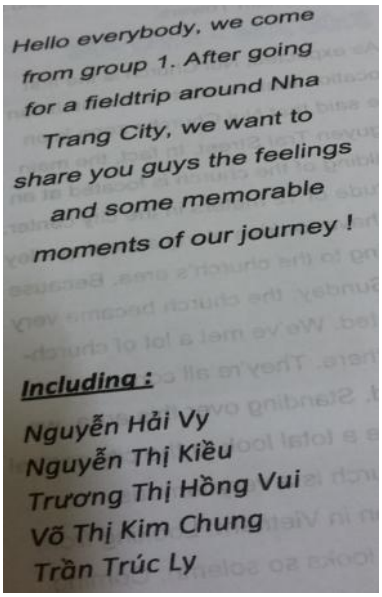

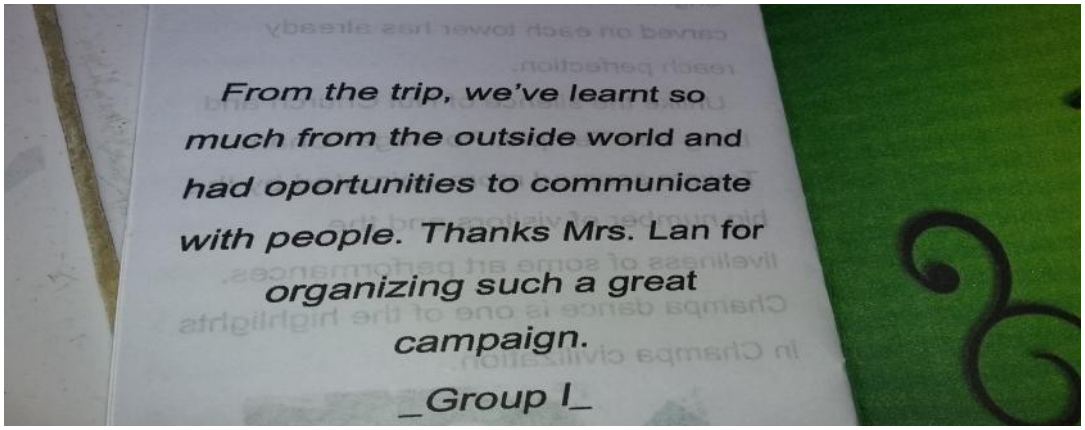

2. Tour tham quan 2N-1Đ- môn viết 3

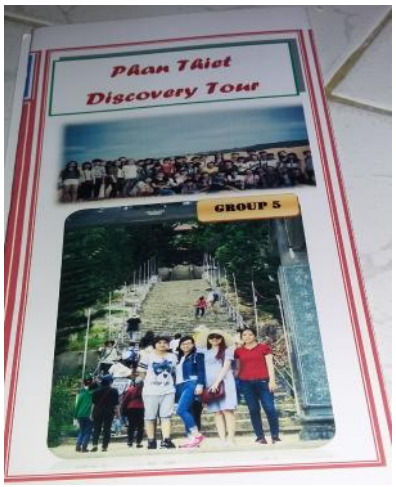

3. Thi môn viết 4 – tại làng du lịch Mỹ Khánh- Cần Thơ- sinh viên 56 KG

VI. Đánh giá hiệu quả của phương pháp này

- Ưu điểm:
  - Tạo được sự hứng thú cho sinh viên
  - Kích thích sự sáng tạo, tính tư duy, quan sát, nhận xét của sinh viên
  - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm.
  - Giúp sinh viên tự nhận thấy những kiến thức còn thiếu của mình để bổ sung.
  - Mối quan hệ xã hội giữa các thành viên trong nhóm được cải thiện, thân thiện, và đoàn kết
  - Kết quả bài thi khả quan hơn
- Khó khăn:
  - Giáo viên phải dành nhiều thời gian cho việc chấm điểm.
  - Giáo viên khá vất vả trong việc tổ chức các chuyến đi với số lượng sinh viên các lớp đông.
- Đề xuất giải pháp:

- Các giảng viên dạy cùng học phần có thể hỗ trợ trong quá trình đi thực tế để thi hoặc kiểm tra cuối kỳ.

VII. Kết luận:

Trên đây là những chia sẽ của tôi về việc đã và đang áp dụng phương pháp kiểm tra - đánh giá các học phần môn viết của sinh viên chuyên ngữ. Tôi nhận thấy phương pháp này đã đạt được kết quả khả quan vì suy cho cùng việc đổi mới phương

pháp đều hướng tới mục đích kích thích sinh viên hứng thú với học phần, rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm, có thể linh hoạt vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, phát huy tính sáng tạo của người học. Tuy nhiên, tùy vào tính đặc thù của học phần, tâm lý của sinh viên mà giảng viên sẽ lựa chọn và thay đổi các phương pháp kiểm tra-đánh giá cho phù hợp. Tôi hy vọng các bạn đồng nghiệp sẽ quan tâm và sử dụng trong thời gian tới.

DẠY TỪ VỰNG TRONG TIẾNG HÁN

ThS. Phạm Thị Minh Châu
Bộ môn Thực hành Tiếng

I.Đặt vấn đề

Dạy học từ vựng là một trong những nền tảng cơ bản của việc dạy học ngôn ngữ, cũng là một bộ phận quan trọng trong việc giảng dạy tiếng Hán trên lớp. Trong việc dạy học tiếng Hán, trừ giai đoạn dạy ngữ âm ra, thì tất cả quá trình dạy học khác đều dựa trên nền tảng dạy học từ vựng. Trong việc dạy học tiếng Hán, thì việc dạy từ vựng là một móc xích quan trọng không thể bỏ qua, hơn nữa hầu như tất cả các tiết học trên lớp để bắt đầu bằng việc dạy từ vựng. Kết quả đạt được sau khi dạy học từ vựng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực ngôn ngữ của người học. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học từ vựng, vì vậy, tôi xin được đề ra một số nguyên tắc và kỹ năng dạy học từ vựng tiếng Hán.

II. Nội dung

1. Nguyên tắc dạy học từ vựng

1.1. Cần nắm rõ ý nghĩa chính xác và cách dùng của mỗi một từ

“Hai ngôn ngữ khác nhau không tồn tại quan hệ dịch nghĩa đơn giản, bất kỳ một trường hợp nào, thì ý nghĩa và sắc thái văn hóa đi kèm trong một từ giữa hai ngôn ngữ luôn luôn có sự khác biệt. " (李双梅Lý Song Mai). Vì vậy, khi giảng dạy từ vựng, nếu chúng ta cho rằng, chỉ cần ghi nhớ bảng ý nghĩa của từ vựng là đã giải quyết xong vấn đề từ vựng là hoàn toàn sai lầm, mà quan trọng hơn hết, chúng ta cần nắm được ý nghĩa cụ thể của từ ngữ được dùng trong từng trường hợp cụ thể khác nhau.

1.2. Dạy những từ thường dùng trước

Bất kỳ một ngôn ngữ nào, khi dạy học đều cần bồi dưỡng cho người học kỹ năng giao tiếp, vì vậy dạy từ vựng cũng cần phải truyền thụ những từ ngữ thường dùng trong cuộc sống, chú trọng tính thực tế, đi từ dễ đến khó. Lúc giải thích ý nghĩa của từ vựng, không nên dùng những từ có ý trừu tượng hay quá hàn lâm, mà nên thông qua ví dụ, đặc biệt là là những ví dụ liên quan trực tiếp đến đời sống và hứng thú của người học để giải thích.

1.3. Dạy từ kết hợp với câu và ngữ cảnh

Trong tiếng hán, có nhiều từ vựng rất khó dùng những từ đã học để giải thích nghĩa của từ mới, nhưng chỉ cần giáo viên cho một ví dụ, thì người học rất nhanh có thể nhận ra được ý nghĩa và cách dùng của từ đó. Ví dụ: “□”, “打”..., nếu không cung cấp cho người học ý nghĩa cụ thể của từ trong từng ngữ cảnh, thì rất dễ dẫn tới sự lý giải sai nghĩa của người học khi sử dụng từ.

1.4. Lượng từ mới trong bài cần phù hợp với trình độ của người học

Đối với đối tượng sinh viên Đại học Nha Trang, trình độ tiếng trung của các em đa phần là bắt đầu tiếp xúc hoặc đạt trình độ sơ cấp, nên việc cung cấp cho các em quá nhiều từ vựng trong một tiết học (một chủ đề) không những làm cho các em không thể

tiếp thu và ghi nhớ mà đôi khi còn tạo ra áp lực cho các em, dập tắt niềm hứng thú cũng như lòng yêu thích đối với môn học. Vì vậy, với trình độ Trung 1 đến Trung 3, lượng từ vựng cho mỗi chủ đề không nên vượt quá 50 từ (không vượt quá 20 từ cho mỗi lần lên lớp).

1.5. Cần chú ý sử dụng lại và ôn tập những từ đã học

Ôn cũ học mới là nguyên tắc cơ bản của việc học ngoại ngữ, việc dạy và học từ vựng cũng không ngoại lệ. Vì vậy giáo viên cần chú ý thiết kế ngữ cảnh, bài tập hoặc các hoạt động giao tiếp, luyện tập nhằm sử dụng lại các từ vựng đã cung cấp cho sinh viên ở những chủ đề trước, tránh tình trạng học sau quên trước, học nhiều nhưng kết quả chẳng thu được bao nhiêu.

2. Một số điểm chú ý khi dạy học từ vựng tiếng Hán

Hầu hết các giáo trình Hán ngữ đều sử dụng phương pháp dịch nghĩa đối với mục từ vựng, người học khi chuẩn bị bài ở nhà thông qua phần dịch nghĩa đã phần nào lý giải được ý nghĩa của một từ, nhưng như vậy không có nghĩa là đã hoàn thành giai đoạn dạy học từ vựng, thông qua bài báo cáo này, tôi cũng đưa ra một số điểm chú ý khi dạy học từ vựng tiếng Hán như sau:

2.1. Cần chú trọng cách thức giải thích nghĩa từ vựng

Trong bảng từ vựng, ngoài những từ ngữ đòi hỏi phải đặt trong một ngữ cảnh đúng mới có thể lý giải đúng ý nghĩa của từ cũng có những từ ngữ đơn nghĩa, rất đơn giản. Giải thích những từ đơn giản cũng không có nghĩa là giáo viên cung cấp nghĩa của từ, sinh viên chép lại. Để hoạt động dạy học hiệu quả hơn, đối với loại từ như vậy, chúng ta có thể thông qua hình ảnh, gây sự chú ý với người học. Ngoài ra, khi sử dụng từ trong một câu, một ngữ cảnh, cũng cần chú ý tạo ra ngữ cảnh hài hước hoặc phù hợp với nhu cầu và tâm lý, hứng thú của các em, góp phần làm cho các em nhớ từ nhanh và lâu hơn.

2.2. Sử dụng từ đã học để giải thích từ mới

Thực tế hiện nay tại trường ta, Tiếng Trung chỉ là ngoại ngữ 2 của các em, với số lượng tín chỉ khá ít, tổng cộng 11 tín chỉ, vì vậy, kiến thức và trình độ của các em cũng chưa cao. Nhưng trong quá trình dạy học từ vựng, tôi luôn chú trọng sử dụng từ đã học để giải thích nghĩa từ mới, tránh hết sức dịch nghĩa đơn thuần. Như vậy, người học không chỉ nắm được ý nghĩa của từ mới mà còn có cơ hội ôn tập lại những từ đã được học. Nhưng trong quá trình giải thích, tôi luôn chú ý lặp đi lặp lại những từ quan trọng, chú ý biểu cảm sắc mặt của sinh viên, lắng nghe thắc mắc nguyện vọng của các em để nắm bắt được tình hình tiếp thu bài của các em.

2.3. Sử dụng phương pháp so sánh để giúp người học nắm được ý nghĩa chính xác của một từ, cũng như đặc điểm nhận dạng của một chữ Hán

Đặc điểm của bất cứ một sự vật nào đếu được bộc lộ rõ nhất khi được so sánh. Trong ngôn ngữ cũng vậy, ý nghĩa hàm chứa và cách dùng của một từ cũng rất dễ dàng bộc lộ thông qua việc so sánh với từ đồng nghĩa, gần nghĩa và phản nghĩa, v.v...

Ví dụ: Từ đồng nghĩa: 立刻—马上　　可是—但是

Từ gần nghĩa: 突然—忽然　　立刻—赶紧

Từ trái nghĩa: 好—坏　　大—小

2.4. Cung cấp nghĩa Hán Việt của từ vựng

Với lịch sử hai nước Việt Nam – Trung Hoa có mối quan hệ ảnh hưởng lâu đời, tiếng Việt có hơn 80% là từ Hán Việt, nên việc cung cấp cho các em từ và âm Hán Việt của từ vựng là một trong những phương pháp không chỉ giúp các em dễ nhớ, dễ học từ vựng giáo viên cung cấp mà còn tạo cho các em nền tảng để các em có thể tự học cũng như tự đoán ý của những từ vựng mới.

Ví dụ: 生 sinh: sinh ra　　日 nhật: ngày　　生 日: sinh nhật

2.5. Thiết kế các hoạt động ôn tập lại từ vựng

Để việc dạy và học đạt được kết quả tốt thì không thể thiếu các hoạt động ôn tập. Thông thường, để ôn tập lại từ vựng tiếng Hán, tôi thường thiết kế các hoạt động đi từ dễ đến khó như: nhìn nhận mặt chữ, viết được chữ Hán, đặt câu, nói hội thoại và viết đoạn văn. Thông qua hình thức ôn tập từ vựng, người học không chỉ nắm được ý nghĩa và cách dùng của từ mà quan trọng hơn nữa là còn bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cũng như sử dụng ngôn ngữ vào thực tế cuộc sống.

III. Kết luận

Dạy học từ vựng là một bộ phận quan trọng trong việc giảng đạy ngôn ngữ, và chắc chắn rằng, để việc dạy học từ vựng có hiệu quả, người dạy và người học không thể chỉ đọc từ vựng và giải thích đơn giản về ý nghĩa của từ đó, mà hơn hết, để giờ học từ vựng thực sự hiệu quả, người dạy cần chú trọng phối hợp nhiều phương pháp, từ trực quan, so sánh, cũng như biết vận dụng tốt các kỹ năng dạy học, có như vậy, giờ học từ vựng mới thực sự đạt kết quả.

Tài liệu tham khảo

[1] 高燕.□外□□□□教学[M].上海：□□□范大学出版社.2008.

[2] 周小兵.□外□□教学入□[M].广州：中山大学出版社.2009.

[3] 常敬宇.□□□□文化[M].北京：北京大学出版社.2009.

[4] 刘珣.□外□□教育学引□[M].北京：北京□言大学出版社.2007.

[5] 李双梅.□□□外□□□□教学[J].教育□展与研究，2009，（16）

[6] □静.□□外□□教学中的□□教学[J].文学教育，2011，（8）